

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 04/2009/TT-BTC

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2009

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng theo
Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ**

Căn cứ quy định tại Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và các văn bản pháp luật quy định, hướng dẫn thực hiện Luật thuế GTGT;

Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và các văn bản pháp luật quy định, hướng dẫn thực hiện Luật quản lý thuế;

Căn cứ Điểm 1(c) Mục III Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tạm hoàn thuế GTGT đầu vào đối với hàng hóa thực xuất khẩu chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng, như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC TẠM HOÀN VÀ MỨC TẠM HOÀN THUẾ GTGT

1. Đối tượng được tạm hoàn thuế GTGT quy định tại Thông tư này là các tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa xuất khẩu (dưới đây gọi chung là doanh nghiệp) có hàng hóa thực xuất khẩu đang trong thời gian chưa được phía nước ngoài thanh toán qua ngân hàng theo hợp đồng xuất khẩu, trừ các trường hợp phải kiểm tra trước khi hoàn thuế sau đây:

- Hoàn thuế theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, trong đó có quy định phải kiểm tra trước khi hoàn thuế;

- Doanh nghiệp đề nghị hoàn thuế lần đầu, trừ doanh nghiệp sản xuất, gia công hàng xuất khẩu có cơ sở sản xuất tại địa phương nơi hoàn thuế được tạm hoàn thuế GTGT;

- Doanh nghiệp đã có hành vi trốn thuế, gian lận về thuế trong thời hạn 2 năm tính từ thời điểm đề nghị hoàn thuế trở về trước. Hành vi trốn thuế, gian lận thuế theo mức quy định tại Điều 14 Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

- Doanh nghiệp sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi hình thức sở hữu, chấm dứt hoạt động; giao, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp nhà nước, khi thực hiện quyết toán thuế tại thời điểm sáp nhập, hợp nhất ... có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết hoặc có số thuế GTGT nộp thừa;

- Hết thời hạn theo thông báo bằng văn bản của cơ quan thuế nhưng người nộp thuế không giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế theo yêu cầu của cơ quan thuế hoặc không chứng minh được số thuế khai là đúng.

2. Số thuế GTGT được tạm hoàn đối với hàng hóa thực xuất khẩu, chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng bằng 90% (chín mươi phần trăm) số thuế GTGT đầu vào được hoàn theo hồ sơ đề nghị hoàn thuế của doanh nghiệp.

Trường hợp hàng xuất khẩu theo hợp đồng xuất khẩu (trong đó có ghi rõ phương thức thanh toán chậm trả, thời hạn chậm trả), chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng được hoàn toàn bộ số thuế GTGT đầu vào theo hướng dẫn tại Điểm 1.3 (c.3) Mục III Phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT và hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/3008/NĐ-CP ngày 08/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT.

3. Ngoài đối tượng và mức tạm hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu nêu trên, để giải quyết hoàn thuế kịp thời cho các doanh nghiệp có hồ sơ đề nghị hoàn thuế thuộc các đối tượng và trường hợp khác (bao gồm hoàn thuế trước, kiểm tra sau và kiểm tra trước, hoàn thuế sau), trong quá trình kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, nếu cơ quan thuế xác định số thuế đủ điều kiện được hoàn thì giải quyết tạm hoàn số thuế đã đủ điều kiện hoàn, không chờ kiểm tra xác minh xong toàn bộ mới thực hiện hoàn thuế; đối với số thuế cần kiểm tra xác minh, yêu cầu doanh nghiệp giải trình, bổ sung hồ sơ thì xử lý hoàn thuế khi có đủ căn cứ. Thời gian thực hiện kiểm tra và giải quyết không được vượt quá thời gian theo quy định của pháp luật.

II. HỒ SƠ HOÀN THUẾ

1. Hồ sơ hoàn thuế GTGT thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm 2 Mục I Phần G Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.

Đối với doanh nghiệp đề nghị tạm hoàn thuế khi chưa có chứng từ thanh toán hàng xuất khẩu qua ngân hàng, trong hồ sơ đề nghị hoàn thuế của doanh nghiệp ghi rõ ở Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN (mẫu 05/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước) như sau: “Doanh nghiệp cam kết sẽ xuất trình Bảng kê chứng từ đã thanh toán tiền hàng hóa xuất khẩu qua ngân hàng chậm nhất là 05 (năm) ngày sau ngày doanh nghiệp đã được thanh toán tiền hàng xuất khẩu”.

2. Đối với 10% (mười phần trăm) số thuế GTGT chưa được hoàn theo hồ sơ hoàn thuế, doanh nghiệp không phải gửi lại hồ sơ hoàn thuế đã gửi cơ quan thuế khi tạm hoàn thuế nếu không có sự điều chỉnh, bổ sung hồ sơ đã gửi; doanh nghiệp gửi bổ sung cho cơ quan thuế:

- Văn bản đề nghị hoàn thuế, trong đó nêu rõ số thuế đã được tạm hoàn 90% theo Quyết định số, ngày, tháng, năm của Cục trưởng Cục Thuế; số thuế còn lại (10%) đề nghị hoàn;

- Bảng kê chứng từ thanh toán qua ngân hàng (theo quy định tại Điểm 2.1 Mục I Phần G Thông tư số 60/2007/TT-BTC nêu trên).

3. Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp lệ, hợp pháp và chính xác của hồ sơ, chứng từ, hóa đơn và các tài liệu khác có liên quan đề nghị hoàn thuế gửi cơ quan thuế.

III. THỰC HIỆN TẠM HOÀN THUẾ

1. Cơ quan thuế có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra, xem xét hồ sơ đề nghị hoàn thuế của doanh nghiệp và giải quyết hoàn thuế theo quy định. Đối với hồ sơ doanh nghiệp đề nghị được tạm hoàn thuế GTGT nếu thuộc đối tượng được tạm hoàn trước khi kiểm tra thì cơ quan

thuế ra quyết định tạm hoàn thuế cho doanh nghiệp, trong quyết định hoàn thuế ghi rõ là số thuế GTGT tạm hoàn theo hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp.

2. Cơ quan thuế phải mở hồ sơ theo dõi riêng các trường hợp tạm hoàn thuế GTGT.

Cơ quan thuế thực hiện hoàn tiếp 10% số thuế GTGT chưa được hoàn của hồ sơ hoàn thuế khi doanh nghiệp có văn bản đề nghị và đủ chứng từ quy định ở Điểm 2 Mục II Thông tư này.

3. Thời gian giải quyết hoàn thuế:

- Đối với hồ sơ hoàn thuế GTGT của hàng hóa xuất khẩu, chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì thời hạn giải quyết tạm hoàn thuế (90%) tối đa không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị hoàn thuế của doanh nghiệp; đối với số thuế GTGT hoàn tiếp 10% thì thời hạn giải quyết hoàn thuế tối đa không quá 04 (bốn) ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thuế nhận được văn bản đề nghị hoàn thuế tiếp 10% của doanh nghiệp.

- Đối với các trường hợp được tạm hoàn thuế khác theo kết quả kiểm tra hồ sơ hoàn thuế:

+ Đối với hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau thì thời hạn giải quyết tạm hoàn thuế tối đa không quá 08 (tám) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị hoàn thuế của doanh nghiệp.

+ Đối với hồ sơ hoàn thuế thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau: Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hoàn thuế của doanh nghiệp, cơ quan thuế phải thực hiện tổ chức kiểm tra số thuế doanh nghiệp đề nghị hoàn. Thủ tục và thời gian kiểm tra hoàn thuế tại trụ sở doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản quy định, hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế hiện hành. Tổng thời gian kiểm tra, xác minh và ra quyết định hoàn thuế đối với từng trường hợp này không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoàn thuế của doanh nghiệp.

Trong quá trình kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, nếu cơ quan thuế xác định số thuế đủ điều kiện được hoàn thì ra quyết định hoàn thuế ngay tương ứng với số thuế đã đủ điều kiện hoàn; đối với số thuế cần kiểm tra xác minh, giải trình, bổ sung hồ sơ thì phải có thông báo gửi doanh nghiệp.

4. Công tác kiểm tra và xử lý vi phạm:

Đối với doanh nghiệp được hoàn thuế trước kiểm tra sau, cơ quan thuế phải có trách nhiệm tổ chức kiểm tra theo quy định của pháp luật quản lý thuế và hướng dẫn của Tổng cục Thuế, số lượng doanh nghiệp kiểm tra trong năm không dưới 50% (năm mươi phần trăm) số doanh nghiệp thuộc đối tượng này, số 50% còn lại được kiểm tra trong năm tiếp theo. Căn cứ kết quả kiểm tra nếu phát hiện vi phạm thì cơ quan thuế thu hồi lại số tiền thuế GTGT đã tạm hoàn vi phạm, đồng thời xử lý vi phạm pháp luật về thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 61/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử lý vi phạm pháp luật về thuế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng đối với các hồ sơ hoàn thuế từ ngày 01/01/2009.

Tổng cục Thuế có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, cơ sở kinh doanh phản ánh về Bộ Tài chính để hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn